

Số: /BC-CĐS

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2025
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2026

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2025

Cục Chuyển đổi số được thành lập trên cơ sở hợp nhất Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) và Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) theo Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục được quy định tại Quyết định số 223/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Theo đó, Cục có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, bảo đảm an toàn thông tin; thực hiện công tác thống kê ngành nông nghiệp và môi trường; tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường quốc gia, hệ thống thống kê ngành; thực hiện công tác lưu trữ, thông tin tư liệu, thư viện ngành nông nghiệp và môi trường; cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

Ngay sau khi được thành lập, Cục đã chủ động, khẩn trương kiện toàn cơ cấu tổ chức, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ được giao. Kết quả cụ thể như sau:

1.1. Công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định kỹ thuật, chỉ đạo, điều hành

a) Đã tham mưu trình Đảng ủy Bộ, Bộ trưởng ban hành **07** Kế hoạch và **02** Chiến lược và **01** Khung Kiến trúc số: (1) Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025¹; (2) Kế hoạch năm 2025 của Bộ triển khai thực hiện Đề án 06/CP²; (3) Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của Bộ³; (4) Kế hoạch xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành⁴; (5) Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số

¹ Kế hoạch số 13-KH/ĐU ngày 27/06/2025.

² Quyết định số 1311/QĐ-BNNMT ngày 7/5/2025.

³ Quyết định số 2696/QĐ-BNNMT ngày 15/7/2025.

⁴ Quyết định số 2914/QĐ-BNNMT ngày 30/07/2025.

214/NQ-CP ngày 23/07/2025 của Chính phủ⁵; (6) Kế hoạch triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ⁶; (7) Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của Bộ⁷; (8) Chiến lược Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường⁸; (9) Chiến lược dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường⁹; (10) Khung Kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹⁰.

b) Đã phối hợp với Bộ Công an ban hành **02** Kế hoạch phối hợp: (1) Kế hoạch phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP¹¹; (2) Kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai¹² (Kế hoạch 90 ngày).

c) Đã phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ trình ban hành Quy định kỹ thuật CSDL cho **17** CSDL các lĩnh vực: CSDL khí tượng thủy văn quốc gia¹³, CSDL quốc gia về đất đai¹⁴, CSDL nền địa lý quốc gia các tỷ lệ¹⁵, CSDL trồng trọt, bảo vệ thực vật¹⁶, CSDL thủy sản và kiểm ngư¹⁷, CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo¹⁸, CSDL tài nguyên nước quốc gia¹⁹, CSDL thống kê ngành NN&MT²⁰, CSDL biển và hải đảo²¹; CSDL tổng hợp ngành nông nghiệp²², CSDL lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn²³, CSDL môi trường²⁴, CSDL viễn thám²⁵, CSDL quốc gia về biến đổi khí hậu²⁶; CSDL lĩnh vực chăn nuôi và thú y²⁷; CSDL lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường²⁸; CSDL lĩnh vực thủy lợi²⁹.

⁵ Quyết định số 3211/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025.

⁶ Quyết định số 4554/QĐ-BNNMT ngày 31/10/2025.

⁷ Quyết định số 5943 /QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025.

⁸ Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025.

⁹ Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025.

¹⁰ Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025.

¹¹ Kế hoạch 395/KHPH-BCA-BNN&MT ngày 27/6/2025.

¹² Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025.

¹³ Quyết định số 3928/QĐ-BNNMT ngày 24/9/2025.

¹⁴ Thông tư số 09/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024.

¹⁵ Các Thông tư số: 08/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023; 21/2023/TT-BTNMT ngày 30/11/2023; 59/2025/TT-BNNMT ngày 18/9/2025

¹⁶ Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT ngày 30/09/2025.

¹⁷ Quyết định số 4440/QĐ-BNNMT ngày 25/10/2025.

¹⁸ Quyết định số 4092/QĐ-BNNMT ngày 03/10/2025.

¹⁹ Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT ngày 10/11/2025.

²⁰ Quyết định số 4692/QĐ-BNNMT ngày 07/11/2025.

²¹ Quyết định số 5156/QĐ-BNNMT ngày 05/11/2025.

²² Quyết định số 5277/QĐ-BNNMT ngày 15/12/2025.

²³ Quyết định số 5333/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025.

²⁴ Quyết định số 5473/QĐ-BNNMT ngày 18/12/2025.

²⁵ Quyết định số 5518/QĐ-BNNMT ngày 19/12/2025.

²⁶ Thông tư số 72/2025/TT-BNNMT ngày 22/12/2025.

²⁷ Quyết định số 4999/QĐ-BNNMT ngày 25/11/2025.

²⁸ Quyết định số 5757/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025.

²⁹ Quyết định số 63/QĐ-BNNMT ngày 10/01/2026.

d) Phối hợp xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê, quy định về công tác thống kê ngành: Đã tham mưu cho Bộ góp ý hoàn thiện nhiều văn bản quy phạm pháp luật về thống kê³⁰; chủ động phối hợp, nghiên cứu xây dựng trình Bộ ban hành Thông tư sửa đổi một số điều của các thông tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường bảo đảm phù hợp với yêu cầu sắp xếp, tinh gọn bộ máy và triển khai mô hình chính quyền 2 cấp³¹; phối hợp với Cục Thống kê - Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Quy chế phối hợp giữa hai Bộ về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê, trình lãnh đạo hai Bộ xem xét, ký kết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và khai thác thông tin thống kê.

đ) Tham gia xây dựng có chất lượng, đúng thời hạn các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định (Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ) bảo đảm cơ sở pháp lý cho chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số theo nhiệm vụ giao.

Tổng số văn bản đã tham mưu trình ban hành năm 2025 là **38** văn bản (*cụ thể tại Phụ lục 1*).

1.2. Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết số: 57-NQ/TW, 71/NQ-CP, 214/NQ-CP và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

a) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết số 57-NQ/TW và các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Quy định triển khai

Tổng số nhiệm vụ: **65**, trong đó: Nhiệm vụ đã hoàn thành: **65**, Nhiệm vụ đang thực hiện: **0**.

(Các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 214/NQ-CP...)

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg, Chỉ thị số 07/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo của Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP, tổng số 68 nhiệm vụ (62 nhiệm vụ chung; 6 nhiệm vụ cụ thể); nhiệm vụ đã hoàn thành: 68; số nhiệm vụ đang thực hiện: 0.

1.3. Công tác phát triển Chính phủ số

a) Giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Đã hoàn thành hợp nhất Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cung cấp 277 DVCTT (96 DVC toàn trình, 181 DVC một phần) cho 252 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp Bộ; 311 DVC TT cho 311 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp

³⁰ Luật Thống kê sửa đổi năm 2025; Nghị định sửa đổi các quy định của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia, hệ thống ngành kinh tế, hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam, Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026

³¹ Thông tư số 89/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

tính; 57 DVCTT cho 57 TTHC thuộc thẩm quyền của cấp xã. Đã kết nối với các CSDL quốc gia và các nền tảng số, hệ thống thông tin (Công Dịch vụ công quốc gia; Hệ thống EMC, Công eSign, VneID), Công thanh toán trực tuyến, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; phối hợp bưu chính công ích cung cấp và làm hài lòng người dân và doanh nghiệp.

- Đã tham mưu trình Bộ ban hành Kế hoạch³² triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, công văn gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc công bố kiến trúc và phối hợp triển khai Hệ thống giải quyết TTHC³³; đã triển khai thử nghiệm và đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng trên toàn quốc (ngày 23/12/2025) bằng hình thức trực tuyến với hơn 5.000 điểm cầu; đang hoàn thiện hệ thống để chính thức đưa vào vận hành từ 01/01/2026. Đã triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành nông nghiệp và môi trường theo mô hình tập trung tới 34 tỉnh, 3321 xã trên cả nước từ ngày 01/01/2026; hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 11.924 hồ sơ (tính đến ngày 13/01/2026).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (để tái sử dụng phục vụ giải quyết TTHC) còn thấp (do số lượng rất lớn) cần quyết liệt triển khai trong thời gian tới.

b) Duy trì, vận hành, hoàn thiện hạ tầng số dùng chung

- Duy trì, vận hành các Trung tâm dữ liệu (TTDL) dùng chung của Bộ³⁴, tập trung trên nền tảng ảo hóa đảm bảo khả năng chia sẻ, sử dụng hiệu quả tài nguyên tính toán, hiện nay đã cấp phát số lượng máy là trên 870 máy chủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu về hạ tầng triển khai chuyển đổi số tại Bộ, các đơn vị trực thuộc Bộ, hỗ trợ một số Sở Nông nghiệp và Môi trường và phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, đào tạo. Cục tiếp tục sử dụng tối ưu tài nguyên tính toán hiện có và đề xuất hiện đại hóa, mở rộng để đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng đối với hạ tầng số dùng chung.

- Tạo lập, quản trị trên 21.000 tài khoản điện tử (bao gồm thư điện tử công vụ) cho công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ để đăng nhập, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ; Triển khai chữ ký số, chứng thư số, chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong tất cả các đơn vị thuộc Bộ (tổng số: 5.460, trong đó USB token: 5.217; SIM ký số: 243).

c) Triển khai vận hành nền tảng số, hệ thống thông tin

- *Các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành* : Đã triển khai hợp nhất, nâng cấp và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung (Quản lý văn bản và Hồ sơ điện tử; Thư điện tử; Hệ thống định danh, xác thực người dùng, Cổng Thông tin điện tử; Hệ thống họp trực tuyến...) phục vụ làm việc môi trường số, cơ bản

³² Quyết định số 4554/QĐ-BNNMT ngày 31/10/2025.

³³ Công văn 9923/BNNMT-CĐS ngày 03/12/2025;

³⁴ (1) Trung tâm dữ liệu (TTDL) tại Trụ sở Bộ - Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội; (2) TTDL tại Cục Chuyển đổi số - Số 28 Phạm Văn Đồng; Cầu Giấy; Hà Nội; (3) Phòng máy chủ số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội (Đang có kế hoạch di chuyển hệ thống về các TTDL khác của Bộ); (4) TTDL vùng Đông bằng sông Cửu Long tại TP. Cần Thơ; (5) TTDL dự phòng tại số 36 Lý Văn Phức, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

100% sử dụng văn bản điện tử gắn với chữ ký số; Đã triển khai Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, gửi nhận văn bản mật trong các Cơ quan đảng theo Kế hoạch của Văn phòng Trung ương Đảng.

- *Nền tảng số dùng chung của Bộ*: Đã triển khai Nền tảng giải quyết TTHC của Bộ (cung cấp DVCTT thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp xã); Hệ thống Báo cáo, thống kê ngành NN&MT (triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã); Nền tảng thu thập dữ liệu Camera; Nền tảng IoT GeoEvent; Nền tảng Hệ thống điều hành thông minh của Bộ (IOC); Nền tảng quản trị dữ liệu lớn của Bộ (Big Data).

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện các nền tảng số quốc gia, chuyên ngành thuộc danh mục Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.4. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Đã hoàn thành xây dựng CSDL quốc gia về đất đai; Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai đã rà soát, phân loại 61.593.781 thửa đất; đồng bộ từ địa phương vào CSDL quốc gia về đất đai (số liệu ngày 12/01/2025) : 34/34 tỉnh, thành với 3.289/3.321 xã/phường đã đồng bộ vào CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương, tổng số thửa đất đã đồng bộ trên 61 triệu (61.593.781).

Đã kết nối, đồng bộ CSDL quốc gia về đất đai với CSDL quốc gia về dân cư (C06), với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12): đã hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng; sẵn sàng kết nối với CSDL quốc gia về dân cư; đã triển khai các điều kiện kỹ thuật để thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu; thực hiện ký số và tiếp tục bàn giao, đồng bộ (21 triệu thửa đất sạch và gần 19 triệu thửa đã được xác thực chủ sử dụng). Dự kiến hoàn thành việc đồng bộ dữ liệu theo kế hoạch.

b) Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia

Đã phối hợp với Bộ Công an hoàn thành đối soát dữ liệu với 82.061 tàu cá, trong đó có 69.532 tàu cá có thông tin số định danh (CCCD) trùng với trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tỷ lệ cập nhật số CCCD đạt 95,3%. Đã phối hợp với các đơn vị của Bộ Công an hoàn thành đánh giá an toàn thông tin, đủ điều kiện để kết nối với CSDL quốc gia về dân cư.

c) Về xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Cục đã phối hợp các đơn vị trực thuộc Bộ, các đơn vị của Bộ Công an (Cục C06, C12) và 02 doanh nghiệp đồng hành (VNPT, Viettel) thực hiện rà soát, khảo sát, đánh giá các TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ, qua đó đề xuất các phương án cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết trên nguyên tắc khai thác tối đa các dữ liệu sẵn có (từ các CSDL quốc gia, chuyên ngành).

- Đã hoàn thành khảo sát và đánh giá đối với 26 CSDL quốc gia, chuyên ngành được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 214/NQ-CP; trên cơ sở kết quả khảo sát, phân tích và ban hành Quy định kỹ thuật CSDL cho 17 CSDL quốc gia, lĩnh vực, đây là cơ sở quan trọng để triển khai các nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện và đồng bộ các CSDL sang Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đánh giá các cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết số 71/NQ-CP: Trên cơ sở 19 Tiêu chí để đánh giá của Nhóm công tác số 3, Cục Chuyên đổi số phối hợp với các Tổ thư ký (C06) và Doanh nghiệp đồng hành (tập đoàn VNPT) và các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá, kết quả đến ngày 24/12/2025 đối với 13 CSDL, cụ thể như sau: (1) CSDL quốc gia về đất đai (17/19); (2) CSDL ngành nông nghiệp (11/19); (3) CSDL nghề cá quốc gia (13/19); (4) CSDL về giống cây trồng (10/19); (5) CSDL trồng trọt (10/19); (6) CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo (13/19); (7) Hệ thống báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường (12/19); (8) CSDL khí tượng thủy văn quốc gia (12/19); (9) Hệ thống thông tin CSDL môi trường quốc gia (12/19); (10) CSDL nền địa lý quốc gia (12/19); (11) CSDL về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo (12/19); (12) CSDL viễn thám quốc gia (12/19); (13) CSDL nuôi trồng thủy sản (10/19).

d) Về kết nối, đồng bộ dữ liệu từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lên Trung tâm dữ liệu quốc gia

- Đã chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật; thiết kế, cài đặt, triển khai mô hình dữ liệu dùng chung tại Trung tâm dữ liệu của Bộ; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ, với C12³⁵ (xác định nội dung thông tin và phương thức kết nối, đồng bộ) sẵn sàng cho việc kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu lên Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Đã phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ làm việc với Cục C12 xác định nội dung thông tin và phương thức kết nối, đồng bộ dữ liệu cho các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo kế hoạch và điều kiện kỹ thuật.

1.5. Công tác thống kê ngành

a) Thu thập, tổng hợp số liệu thống kê đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ và ngành

- Cục đã chủ động tham mưu cho Bộ ban hành các văn bản³⁶ chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành sau khi hợp nhất hai Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển

³⁵Cục Chuyên đổi số đã có văn bản số 1570/CĐSD-DL ngày 05/11/2025; số 1900/CĐSD-DL ngày 18/12/2025 gửi Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12) và các đơn vị trực thuộc Bộ thống nhất kế hoạch kết nối, đồng bộ dữ liệu từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường lên Trung tâm dữ liệu quốc gia

³⁶ Văn bản số 1310/BNNMT-KHTC ngày 21/4/2025 về thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường; Công văn số 830/CĐSD-TCTK ngày 21/7/2025 của Cục Chuyên đổi số về việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường

nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường) và sáp nhập các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tích cực đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/TP triển khai thực hiện Chế độ báo cáo thống kê Ngành theo quy định của Thông tư số 16, 17/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Thông tư số 22/2023/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường

- Triển khai thu thập, tổng hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia (giao Bộ thực hiện) theo yêu cầu của Bộ Tài chính; định kỳ hàng tháng thu thập, tổng hợp số liệu và xây dựng báo cáo tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản; tình hình giá cả, thị trường nông sản phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ và Ban Chỉ đạo chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển thị trường của Bộ.

- Từng bước đổi mới nội dung, hình thức báo cáo, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số công tác thống kê nhằm nâng cao chất lượng thông tin thống kê. Tiến hành xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường; điều chỉnh nội dung báo cáo thống kê hàng tháng theo hướng phục vụ đa đối tượng (báo cáo có nội dung tóm tắt phục vụ lãnh đạo Bộ và nội dung chi tiết theo từng tiểu ngành lĩnh vực phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các Cục, Tổng cục); nâng cao chất lượng, hình ảnh, thông tin báo cáo thống kê dưới dạng Infographic (đồ thị hóa) và đẩy mạnh thực hiện chế độ báo cáo thống kê trực tuyến với 34 tỉnh/thành phố.

b) Đẩy mạnh phổ biến thông tin thống kê

- Cục đã phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ và các Vụ, Cục liên quan trình Bộ thành lập Ban Biên tập Niên giám thống kê ngành nông nghiệp và môi trường (Quyết định số 4249/QĐ-BNNMT 14/10/2025); phối hợp các Cục, Vụ, đơn vị liên quan triển khai xây dựng, hoàn thiện Niên giám thống kê Ngành năm 2024, được Nhà xuất bản Nông nghiệp cấp giấy phép xuất bản số 89/QĐ-NXBNN ngày 29/12/2025 và trình Bộ cho phép phát hành vào 31/12/2025.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, phổ biến các sản phẩm thống kê bao gồm: (1) Báo cáo về kết quả sản xuất, xuất nhập khẩu và thị trường nông, lâm, thủy sản, diêm nghiệp hàng tháng, quý; (2) Báo cáo dự báo sản lượng và xuất khẩu 10 mặt hàng chính hàng quý, (3) Tổng hợp, xử lý số liệu HS và cung cấp các số liệu về xuất nhập khẩu hàng hóa NLTS theo ngành hàng và thị trường hàng tháng phục vụ giao ban của Bộ và các Cục/Vụ; (4) Phát hành Bản tin sản xuất và thị trường nông sản trong nước hàng tháng; (5) Bản tin Giá cả thị trường các mặt hàng nông lâm thủy sản trong nước 10 ngày; (6) Các báo cáo thống kê khác theo các yêu cầu cụ thể của lãnh đạo Bộ và các đơn vị.

c) Phối hợp triển khai các hoạt động điều tra thống kê và thống kê khác

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục Thống kê tham mưu cho Bộ phối hợp với Bộ Tài chính triển khai Tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2025; cử cán bộ tham gia các hội đồng thẩm định đề cương dự toán, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án điều tra cơ bản hàng năm của các Cục.

- Chủ động triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ về thông tin thị trường, xúc tiến thương mại; đổi mới nội dung, hình thức phát hành các bản tin: Sản xuất và tiêu thụ nông sản trong nước; thị trường ngành hàng dưới dạng đồ họa (Infographic) phục vụ Ban chỉ đạo Thị trường của Bộ và cung cấp thông tin cho các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Định kỳ trao đổi, chia sẻ thông tin thống kê theo cam kết quốc tế³⁷ với Hệ thống thông tin an ninh lương thực ASEAN (AFSIS), Hệ thống thông tin thị trường nông sản thế giới (AMIS) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)...

1.6. Quản lý tài liệu, kho tư liệu và cung cấp dịch vụ thông tin nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tư liệu luôn luôn tuân thủ theo quy định bảo mật của Nhà nước đối với từng loại tài liệu; tổ chức bảo quản tốt hệ thống tài liệu, thiết bị và kho lưu trữ theo quy định, thường xuyên kiểm tra, sao lưu tài liệu số theo định kỳ; hệ thống kho được luôn được kiểm tra, vận hành sử dụng thiết bị kho theo quy định; thường xuyên kiểm tra, thực hiện phòng cháy, chữa cháy và chống mối, diệt mọt theo quy định đồng thời tiếp nhận và cung cấp tài liệu theo đúng quy định đảm bảo nhanh chóng, chính xác.

1.7. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

a) Tiếp tục rà soát về an toàn thông tin các hệ thống thông tin/CSDL để thực hiện nghiêm Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 23/2/2024, Công điện số 33/CD-TTg ngày 7/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng và Thông báo số 52/TB BCA-A05 ngày 6/5/2025 của Bộ Công an về việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Bộ đã đầu tư các trang, thiết bị và hệ thống và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin như: Hệ thống tường lửa, chống xâm nhập (Firewall/IPS/IDS); Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC); Sao lưu và khôi phục dữ liệu; ...phục vụ giám sát, bảo đảm an toàn, khắc phục sự cố về an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng.

c) Công tác đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ, các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của cấp độ 3. Trong đó có phân khu đáp ứng được yêu cầu của hệ thống thông tin cấp độ 4.

³⁷ Bảng cân đối cung cầu 5 mặt hàng lương thực, thực phẩm cho AMIS-FAO; thông tin cảnh báo sớm về sản xuất lương thực cho AFSIS; báo cáo tổng quan 5 ngành hàng cho AFSIS; cung cấp số liệu cho OECD ...

d) Công tác giám sát, cảnh báo và xử lý sự cố an toàn thông tin được duy trì và đáp ứng kịp thời các sự cố về an toàn thông tin.

đ) Phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Công an (A05, A06, C06) giám sát chặt chẽ các hệ thống trọng yếu của Bộ. Tiến hành rà quét, đánh giá an toàn thông tin mạng, an ninh mạng đối với CSDL quốc gia về đất đai, CSDL nghề cá quốc gia phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử, Trung tâm dữ liệu quốc gia.

1.8. Kiểm tra công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin và công tác thống kê.

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra năm 2025 của Bộ, Cục đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các Vụ (Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch - Tài chính; Pháp chế) hoàn thành kiểm tra về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số 02 đơn vị trực thuộc Bộ (Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường; Cục Quản lý đất đai) và 01 Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai; Kiểm tra 05 đơn vị theo kế hoạch kiểm tra chuyên ngành về ATTT: Cục Viễn thám Quốc gia; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam; Trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội.

1.9. Hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi số các Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn, phối hợp triển khai các Dịch vụ công thiết yếu, Dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (tỉnh, xã); làm sạch, làm giàu dữ liệu đất đai, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, triển khai Chính quyền điện tử: các hệ thống quản lý văn bản đi đến, hồ sơ công việc; hệ thống dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử và các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành công việc; hỗ trợ, theo dõi, đôn đốc công tác an toàn thông tin.

c) Thúc đẩy thực hiện công tác thu thập, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu và lưu trữ, thông tin tư liệu nông nghiệp và môi trường.

d) Tổ chức thành công Hội nghị Chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường 2025 với sự tham gia của các đơn vị trực thuộc Bộ, các Sở Nông nghiệp và Môi trường. Hội nghị nhằm hướng dẫn công tác chuyển đổi số; nhận diện rõ những tồn tại, hạn chế và các giải pháp khắc phục; chia sẻ kinh nghiệm, mô hình tốt; thảo luận, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá trong thời gian tới.

1.10. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2025

Năm 2025, Cục được giao thực hiện 03 dự án với tổng số kinh phí là 222 tỷ đồng.

Cụ thể, tình hình thực hiện và giải ngân như sau:

a) Dự án Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn I):

Hoàn thành 69% kế hoạch vốn được giao, với số giải ngân 3,992/5,802 tỷ đồng. Số vốn còn dư 1,81 tỷ đồng do điều chỉnh giảm khối lượng thực hiện của gói thầu, nghiệm thu theo khối lượng thực tế thi công. Hiện nay, Cục đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án theo quy định.

b) Dự án Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành thông minh tại Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Hoàn thành 99% kế hoạch vốn được giao, với số giải ngân 16,101/16,251 tỷ đồng. Số vốn còn dư 0,15 tỷ đồng do thay đổi mức thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% đối với các gói thầu thi công theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP. Cục đang triển khai các thủ tục quyết toán dự án.

c) Dự án Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (giai đoạn I):

Đến nay, dự án đã giải ngân 190 tỷ đồng. Dự kiến đến hết ngày 30/01/2026, dự án sẽ hoàn thành 100% kế hoạch vốn được giao, với số giải ngân 200/200 tỷ đồng.

Tổng hợp chung:

Cục đã thực hiện và giải ngân 220/222 tỷ đồng, đạt khoảng **99%** kế hoạch vốn đầu tư công được giao năm 2025.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

2.1. Thuận lợi

a) Đảng, Nhà nước đã có các chủ trương, chính sách thúc đẩy mạnh mẽ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Cách mạng công nghiệp 4.0, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số coi đây là động lực, phương thức phát triển để hiện đại hóa, công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế của đất nước. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi số toàn diện từng bước hoàn thiện.

b) Lãnh đạo Bộ đã quan tâm, quyết liệt, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ.

c) Các đơn vị thuộc Bộ đã quan tâm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số đã được nâng cao và ủng hộ đẩy mạnh chuyển đổi số, triển khai Chính phủ điện tử và phối kết hợp chặt chẽ với Cục.

d) Các ứng dụng CNTT đã chứng minh tính hiệu quả, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và chuyên môn nghiệp vụ.

đ) Đội ngũ Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, có tinh thần học tập, nâng cao trình độ về chuyên môn và các mặt công tác nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao,

theo kịp sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

2.2. Khó khăn

a) Văn bản quy định kỹ thuật - kinh tế về chuyển đổi số còn thiếu, trong đó đặc biệt là định mức, đơn giá dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số.

b) Nhận thức về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số của một bộ phận cán bộ, công chức trong đó có cả lãnh đạo, người đứng đầu còn chưa đều. Một số đơn vị chưa xác định biện pháp, quy trình hóa công việc; chưa thực sự quán triệt sử dụng các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong công việc hàng ngày, dẫn đến cơ sở dữ liệu không được cập nhật, chưa bảo đảm đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung. Việc kết nối, tích hợp, liên thông chia sẻ thông tin, dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương còn khó khăn.

c) Thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường là các thủ tục phức tạp nhất, quy trình các thủ tục nhiều bước, hồ sơ nhiều, dữ liệu không đủ dẫn đến chưa thu hút rộng rãi người sử dụng, tỷ lệ trực tuyến còn thấp.

d) Công tác bảo mật, an toàn thông tin tại một số đơn vị còn chưa được nhận thức đầy đủ; việc đầu tư cho bảo mật, an toàn thông tin chưa tương xứng, dẫn đến mức độ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin chưa cao, còn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro mất an toàn thông tin.

đ) Khối lượng, phạm vi và yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và môi trường ngày càng lớn, trong khi biên chế công chức còn hạn chế, khó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác tuyển dụng công chức và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, năng lực chuyên môn về chuyển đổi số, kỹ năng làm việc của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai nhiệm vụ; tình trạng nhân lực công nghệ thông tin nghỉ việc, chuyển công tác còn diễn ra, gây biến động và thiếu ổn định về nguồn nhân lực.

2.3. Đánh giá chung

Mặc dù năm 2025 còn nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên với sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị trong và ngoài Bộ và sự đoàn kết, quyết tâm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Cục đã hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và các nhiệm vụ theo kế hoạch của Bộ thực hiện các Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP, Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và Đề án 06/CP.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

3.1. Tiếp tục triển khai hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn tạo cơ sở pháp lý thuận lợi, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thống kê ngành nông nghiệp và môi trường; ban hành đầy đủ Khung quản trị, quản lý dữ liệu các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và môi trường làm cơ sở để triển khai xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu các CSDL quốc gia, chuyên ngành.

3.2. Tập trung, quyết liệt, hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ về tạo lập, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, lĩnh vực được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 214/NQ-CP, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW và Kế hoạch số 434/KH-TCT và các cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia, chia sẻ với các bộ, ngành, địa phương, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và giải quyết thủ tục hành chính.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, đồng bộ, kết nối, dùng chung” theo phân công của Bộ.

3.4. Tái cấu trúc, mở rộng bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin, vận hành liên tục, thông suốt các hệ thống thông tin dùng chung (hệ thống quản lý văn bản hồ sơ điện tử, hệ thống thư điện tử, hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, ...) phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công giải quyết thủ tục hành chính của ngành.

3.5. Thực hiện các Đề án, dự án, nhiệm vụ về chuyển đổi số được giao đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và bền vững.

3.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ đột phá: thiết bị, công nghệ IOT; ưu tiên ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI First) vào quy trình xử lý nghiệp vụ; AI và các trợ lý ảo (AI Agent) để góp phần tạo lập phương thức chỉ đạo điều hành chuyển dịch từ thụ động (chờ báo cáo) sang chủ động (giám sát qua dữ liệu), từ thủ công sang tự động hóa (AI), và từ phân tán sang tập trung, thống nhất.

(Chi tiết tại dự thảo Kế hoạch công tác năm 2025 của Cục Chuyển đổi số)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

4.1. Các đơn vị trực thuộc Bộ quan tâm, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực sự vào cuộc quyết liệt đối với công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin.

4.2. Các đơn vị quản lý nhà nước đẩy mạnh hoàn thiện quy định pháp lý, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá để tạo thuận lợi cho chuyển đổi số; trọng tâm xây dựng Thông tư quy định Khung Kiến trúc dữ liệu, Khung Quản trị, Quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu chuyên ngành; xây dựng, hoàn thiện, chia sẻ, sử dụng CSDL, lấy dữ liệu làm trung tâm; thực hiện chỉ đạo, điều hành, chuyên môn dựa vào dữ liệu và bảo đảm

dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, đồng bộ, kết nối, dùng chung”. Ưu tiên đề xuất cắt giảm thủ tục hành chính, thay thế thành phần hồ sơ giải quyết TTHC bằng dữ liệu, phục vụ và làm hài lòng người dân, doanh nghiệp.

4.3. Quan tâm, ưu tiên các điều kiện, nguồn lực, kinh phí cho công tác chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin, phát triển hạ tầng số, các nền tảng số và cho công tác bảo đảm duy trì, vận hành các hệ thống. Bảo đảm các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu mới, hoạt động liên tục, không bị gián đoạn.

4.4. Thu hút, khuyến khích, sử dụng nhân lực có chất lượng về công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin; tạo điều kiện về chế độ đãi ngộ đặc thù đối nhằm gắn bó, yên tâm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

4.5. Đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai rộng rãi các nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, Block Chain, Digital Twin... trong phát triển Chính phủ số ngành phục vụ người dân và doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, thiết thực hiện đại hóa đất nước, độc lập tự chủ về công nghệ, hội nhập trình độ công nghệ quốc tế./.

CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Phụ lục 1
Các văn bản quản lý nhà nước về chuyển đổi số năm 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-CDS ngày 14/01/2026 của Cục Chuyển đổi số)

I.	THẨM QUYỀN CỦA BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY BỘ
1.	Quyết định số 13-KH/ĐU ngày 27/6/2025 ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyên đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
II.	THẨM QUYỀN CỦA BỘ TRƯỞNG
2.	Quyết định số 661/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 Ban hành Kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
3.	Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2025 ban hành Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Văn phòng các cơ quan, đơn vị do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đặt tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin nội bộ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4.	Quyết định số 503/QĐ-BNNMT ngày 27/3/2025 ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.
5.	Quyết định số 1311/QĐ-BNNMT ngày 7/5/2025 ban hành Kế hoạch năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
6.	Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16/6/2025; Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025 Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

7.	Quyết định số 1921/QĐ-BNNMT ngày 05/6/2025 ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8.	Quyết định số 2696/QĐ-BNNMT ngày 17/7/2025 ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2025.
9.	Quyết định số 2772/QĐ-BNNMT ngày 21/7/2025 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10.	Quyết định số 2913/QĐ-BNNMT ngày 30/7/2025 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11.	Quyết định số 2914/QĐ-BNNMT ngày 30/7/2025 ban hành Kế hoạch xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết số 71/NQ-CP.
12.	Quyết định số 3013/QĐ-BNNMT ngày 4/8/2025 ban hành Danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
13.	Quyết định số 3211/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025 ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính trị.
14.	Quyết định số 3634/QĐ-BNNMT ngày 03/9/2025 Về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030.
15.	Quyết định số 3672/QĐ-BNNMT ngày 08/9/2025 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16.	Quyết định số 4554/QĐ-BNNMT ngày 31/10/2025 ban hành Kế hoạch triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.
17.	Quyết định số 3928/QĐ-BNNMT ngày 24/09/2025 về quy định kỹ thuật CSDL khí tượng thủy văn quốc gia.
18.	Quyết định số 4057/QĐ-BNNMT ngày 30/09/2025 về quy định kỹ thuật CSDL trồng trọt, bảo vệ thực vật.
19.	Quyết định số 4440/QĐ-BNNMT ngày 25/10/2025 về quy định kỹ thuật CSDL Thủy sản và Kiểm ngư.

20.	Quyết định số 4528/QĐ-BNNMT ngày 30/10/2025 Phê duyệt đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.
21.	Quyết định số 4692/QĐ-BNNMT ngày 07/11/2025 về quy định kỹ thuật CSDL thống kê ngành NN&MT.
22.	Quyết định số 4092/QĐ-BNNMT ngày 03/10/2025 về quy định kỹ thuật CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo.
23.	Thông tư số 64/2025/TT-BNNMT ngày 10/11/2025 về quy định kỹ thuật về cấu trúc chuẩn dữ liệu quốc gia về tài nguyên nước.
24.	Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025 ban hành Chiến lược dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.
25.	Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025 ban hành Chiến lược Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.
26.	Quyết định số 4847/QĐ-BNNMT ngày 17/11/2025 Phê duyệt đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho Cơ sở dữ liệu Nghề cá Quốc gia Vnfishbase.
27.	Quyết định số 5277/QĐ-BNNMT ngày 15/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật CSDL tổng hợp ngành nông nghiệp.
28.	Quyết định số 5156/QĐ-BNNMT ngày 05/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.
29.	Quyết định số 5102/QĐ-BNNMT ngày 02/12/2025 Phê duyệt đề xuất cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin nghiệp vụ khí tượng thủy văn.
30.	Quyết định số 5333/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.
31.	Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025 ban hành Khung Kiến trúc số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
32.	Quyết định số 5473/QĐ-BNNMT ngày 18/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực môi trường.
33.	Quyết định số 5518/QĐ-BNNMT ngày 19/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực viễn thám.

34.	Thông tư số 72/2025/TT-BNNMT ngày 22/12/2025 quy định cấu trúc và xây dựng, cập nhật, duy trì, hướng dẫn khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.
35.	Quyết định số 5611/QĐ-BNNMT ngày 23/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.
36.	Quyết định số 5757/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 ban hành Quy định kỹ thuật Cơ sở dữ liệu lĩnh vực chất lượng, chế biến và phát triển thị trường.
37.	Thông tư số 89/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và môi trường.
38.	Quyết định số 5943/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026.